



HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN
KHOA ĐÀO TẠO QUỐC TẾ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN
CHẤT LƯỢNG CAO BẰNG TIẾNG ANH

NGÀNH: KINH TẾ QUỐC TẾ
CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CHƯƠNG TRÌNH ĐƯỢC XÂY DỰNG DỰA TRÊN SỰ THAM KHẢO CỦA ĐẠI
HỌC PURDUE – HOA KỲ
HÀ NỘI - 2017

1. Mục tiêu đào tạo :

1.1. Mục tiêu chung

Ngành Kinh tế Quốc tế - chuyên ngành Kinh tế Đối ngoại là một trong hai ngành trong hệ đào tạo Chất lượng cao của Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Cử nhân tốt nghiệp chương trình Chất lượng cao Kinh tế Đối ngoại có phẩm chất đạo đức tốt, được trang bị kiến thức cơ bản về chính trị - kinh tế - xã hội và những kiến thức chuyên sâu về Kinh tế Đối ngoại, có trình độ ngoại ngữ tốt, có khả năng sử dụng thuần thục Tiếng Anh trong các giao tiếp hàng ngày và công việc chuyên môn.

Các kỹ năng để thực hiện tốt công việc của chuyên viên như: phân tích, lập kế hoạch, làm việc nhóm, tổ chức triển khai nhiệm vụ, kỹ năng đàm phán, giao tiếp cũng được chú trọng để sinh viên tốt nghiệp sớm hòa nhập với đơn vị tuyển dụng.

1.2. Tiêu chí xây dựng chương trình

Về kiến thức: Cử nhân Kinh tế Đối ngoại được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Kinh tế Đối ngoại dựa trên các khía cạnh:

- + Khía cạnh kinh tế học và kinh tế quốc tế: Sinh viên được trang bị kiến thức nền tảng về kinh tế học và chuyên sâu về kinh tế quốc tế.
- + Khía cạnh quản trị kinh doanh và quản trị kinh doanh quốc tế: Sinh viên được trang bị kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh và chuyên sâu về quản trị kinh doanh quốc tế.
- + Khía cạnh tài chính và tài chính quốc tế: Sinh viên được trang bị kiến thức nền tảng về tài chính/kế toán và chuyên sâu về tài chính quốc tế.
- + Khía cạnh nghiệp vụ: Sinh viên được trang bị các kiến thức về các nghiệp vụ trong hoạt động ngoại thương (thuế, hải quan, logistics, thanh toán v.v.v).
- + Được trang bị một số kiến thức căn bản về các công cụ định lượng.

Về kỹ năng: Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; có phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo. Được trang bị phương pháp và kỹ năng tự nghiên cứu để nâng cao trình độ ở các cấp học cao hơn và đáp ứng các công việc chuyên sâu khi đơn vị tuyển dụng yêu cầu.

Về thái độ: Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động, sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thiết kế nhằm đạt được các mục tiêu sau:

- + Tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- + Trang bị cho sinh viên các kiến thức được đề cập đến trong mục tiêu đào tạo. Sinh viên khi ra trường có thể làm cho khu vực công, khu vực tư và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
- + Tham khảo chương trình đào tạo ngành Kinh tế Đối ngoại của Purdue University và một số chương trình đào tạo Chất lượng cao/Tiên tiến khác ở Việt Nam.
- + Đảm bảo khả năng học chuyển tiếp 2+2 (2 năm ở APD, 2 năm ở Purdue University và nhận bằng của Purdue University) đối với các sinh viên có nhu cầu.
- + Đảm bảo khả năng học chuyển tiếp 3+1 (3 năm ở APD, 1 năm ở Middlesex University và nhận bằng của Middlesex University) đối với các sinh viên có nhu cầu.
- + Đảm bảo khả năng ứng tuyển vào các chương trình thạc sỹ/tiến sỹ ngành Kinh tế Quốc tế/Quản trị Kinh doanh Quốc tế hoặc các ngành có liên quan khác ở trong và ngoài nước.

3. Nơi làm việc sau khi ra trường

Cử nhân tốt nghiệp ngành Kinh tế Đối ngoại có thể làm việc tại:

- + Khối/ban xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trong và ngoài nước.
- + Khối/ban tài chính, quản lý ngoại hối và thanh toán quốc tế của các doanh nghiệp, quỹ đầu tư, ngân hàng trong và ngoài nước.
- + Các công ty có vốn đầu tư nước ngoài.
- + Các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến quản lý các hoạt động ngoại thương/khu kinh tế/tài chính/đầu tư quốc tế ở cấp Trung ương đến địa phương.
- + Các tổ chức tài chính phát triển quốc tế (KOICA, JICA, World Bank, ADB ...).
- + Các trường đại học, viện nghiên cứu.

4. Thông tin chung về chương trình

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Khối lượng kiến thức: 161 tín chỉ.

Khối lượng kiến thức không bao gồm Giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất và ngoại ngữ: 124 tín chỉ.

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

STT	Môn học	TC
	Giáo dục đại cương	57
1	Physical Education Giáo dục thể chất	5
2	Defence Training Giáo dục quốc phòng	8
3	Principles of Marxism – Leninism 1 Nguyên lý Mac - Lenin 1	3
4	Principles of Marxism – Leninism 2 Nguyên lý Mac - Lenin 2	3
5	Revolutionary Policy of the Vietnam Communist Party Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
6	Ho Chi Minh Ideology Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
7	Advanced Mathematics – 1 Toán cao cấp 1	3
8	Advanced Mathematics – 2 Toán cao cấp 2	3
9	Introduction to Business Giới thiệu về kinh doanh	3
10	General Computer Skills Tin học đại cương	3
11	Introduction to Microeconomics Kinh tế Vi mô	3
12	Introduction to Macroeconomics Kinh tế vĩ mô	3
13	Probability and Mathematical Statistics Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
14	Principles of Information System Nguyên lý hệ thống thông tin	3
15	Public Relations (Business and Professional Speaking) Quan hệ công chúng	3

16	Introduction to Organizational Behavior Giới thiệu về hành vi tổ chức	3
17	Research Methodology Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
	Cơ sở ngành	64
	Học phần bắt buộc	55
18	IELTS 1.1 (10 hours per week) IELTS 1.1 (10 tiếng một tuần)	6
19	IELTS 1.2 (10 hours per week) IELTS 1.2 (10 tiếng một tuần)	6
20	IELTS 1.3 (10 hours per week) IELTS 1.3 (10 tiếng một tuần)	6
21	IELTS 1.4 (10 hours per week) IELTS 1.4 (10 tiếng một tuần)	6
22	Principles of Marketing Marketing căn bản	3
23	Principles of Accounting Nguyên lý kế toán	3
24	Economic Geography Địa lý kinh tế	3
25	Legal Foundation of Business Pháp luật kinh tế	4
26	International Business Quản trị kinh doanh quốc tế	3
27	Money, Banking and Financial Markets Tài chính tiền tệ	3
28	Corporate Finance Tài chính doanh nghiệp	3
29	Introduction to Microeconomics 2 Kinh tế Vi mô 2	3
30	Introduction to Macroeconomics 2 Kinh tế vĩ mô 2	3
31	Econometrics Kinh tế lượng	3
	Học phần tự chọn Sinh viên chọn 3 trong số 6 môn sau	9
32	Principles of Investments Nguyên lý đầu tư	3
33	Investment Project Appraisal Thẩm định đánh giá dự án đầu tư	3

34	Strategic Management Quản trị chiến lược	3
35	Introduction to Management Quản trị học	3
36	International Economics Kinh tế quốc tế	3
37	Development Economics Kinh tế phát triển	3
	Chuyên ngành	30
	Học phần bắt buộc	18
38	International Trade Thương mại quốc tế	3
39	Financial Accounting Kế toán tài chính	3
40	International Finance Tài chính quốc tế	3
41	International Payment Thanh toán quốc tế	3
42	International Marketing Marketing quốc tế	3
43	Taxation Thuế và hệ thống thuế	3
	Học phần tự chọn Sinh viên chọn 4 trong số 8 môn sau	12
44	International Accounting Kế toán quốc tế	3
45	Management Accounting Kế toán quản trị	3
46	Logistics and International Transportation Logistics và vận tải quốc tế	3
47	Human Resource Management Quản trị nguồn nhân lực	3
48	Principles of Procurement Những vấn đề cơ bản về đấu thầu	3
49	International Investment Đầu tư quốc tế	3
50	Supply Chain Management Quản trị chuỗi cung ứng	3
51	Negotiation Đàm phán	3

	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10
52	Senior Thesis Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10
	Tổng số tín chỉ	161

VÍ DỤ: KẾ HOẠCH HỌC TẬP THEO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRONG BỐN NĂM

STT	Môn học	Tín chỉ
Năm thứ nhất		42
Kỳ I		17
1	Physical Education 1 (30 hours) Giáo dục thể chất 1 (30 giờ)	1
2	Advanced Mathematics – 1 Toán cao cấp 1	3
3	Principles of Marxism – Leninism 1 Nguyên lý Mac - Lenin 1	3
4	IELTS 1.1 (10 hours per week) IELTS 1.1 (10 giờ một tuần)	6
5	Legal Foundation of Business Pháp luật kinh tế	4
Kỳ II		19
6	Physical Education 2 (30 hours) Giáo dục thể chất 2 (30 giờ)	1
7	Advanced Mathematics – 2 Toán cao cấp 2	3
8	IELTS 1.2 (10 hours per week) IELTS 1.2 (10 giờ một tuần)	6
9	Principles of Marxism – Leninism 2 Nguyên lý Mac - Lenin 2	3
10	Introduction to Business Giới thiệu về kinh doanh	3
11	General Computer Skills Tin học đại cương	3
Kỳ Hè		6
12	IELTS 1.3 (10 hours per week) IELTS 1.3 (10 giờ một tuần)	6
Năm thứ hai		47
Học kỳ I		19
13	Physical Education 3 (30 hours) Giáo dục thể chất 3 (30 giờ)	1

14	IELTS 1.4 (10 hours per week) IELTS 1.4 (10 giờ một tuần)	6
15	Introduction to Organizational Behavior Giới thiệu về hành vi tổ chức	3
16	Introduction to Microeconomics Kinh tế Vi mô	3
17	Principles of Accounting Nguyên lý kế toán	3
18	Revolutionary Policy of the Vietnam Communist Party Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
Học kỳ II		19
19	Physical Education 4 (30 hours) Giáo dục thể chất 4 (30 giờ)	1
20	Financial Accounting Kế toán tài chính	3
21	International Business Quản trị kinh doanh quốc tế	3
22	Economic Geography Địa lý kinh tế	3
23	Introduction to Macroeconomics Kinh tế vĩ mô	3
24	Principles of Marketing Marketing căn bản	3
25	Ho Chi Minh Ideology Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
Học kỳ hè		9
26	Principles of Information Systems Nguyên lý hệ thống thông tin	3
27	Probability and Mathematical Statistics Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
28	Public Relations (Business and Professional Speaking) Quan hệ công chúng	3
Năm thứ 3		44
Học kỳ I		18
Học phần bắt buộc		12
29	Physical Education 5 (30 hours) Giáo dục thể chất 5 (30 giờ)	1
30	Introduction to Microeconomics 2 Kinh tế Vi mô 2	3

31	Money, Banking and Financial Markets Tài chính tiền tệ	3
32	Corporate Finance Tài chính doanh nghiệp	3
33	Research Methodology Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
Học phần tự chọn Sinh viên chọn 2 trong số 4 môn		6
34	International Accounting Kế toán quốc tế	3
35	Management Accounting Kế toán quản trị	3
36	Strategic Management Quản trị chiến lược	3
37	Introduction to Management Quản trị học	3
Học kỳ II		18
Học phần bắt buộc		12
38	Introduction to Macroeconomics 2 Kinh tế vĩ mô 2	3
39	Econometrics Kinh tế lượng	3
40	International Finance Tài chính quốc tế	3
41	International Payment Thanh toán quốc tế	3
Học phần tự chọn Sinh viên chọn 2 trong số 4 môn		6
42	Principles of Procurement Những vấn đề cơ bản về đấu thầu	3
43	International Investment Đầu tư quốc tế	3
44	International Economics Kinh tế quốc tế	3
45	Development Economics Kinh tế phát triển	3
Học kỳ hè		8
46	Defence Training Giáo dục quốc phòng	8

Năm thứ IV		28
Học kỳ I		18
	Học phần bắt buộc	9
47	International Trade Thương mại quốc tế	3
48	International Marketing Marketing quốc tế	3
49	Taxation Thuế và hệ thống thuế	3
	Học phần tự chọn Sinh viên chọn 3 trong số 6 môn	9
50	Logistics and International Transportation Logistics và vận tải quốc tế	3
51	Human Resource Management Quản trị nguồn nhân lực	3
52	Principles of Investments Nguyên lý đầu tư	3
53	Investment Project Appraisal Thẩm định đánh giá dự án đầu tư	3
54	Supply Chain Management Quản trị chuỗi cung ứng	3
55	Negotiation Đàm phán	3
Học kỳ II		10
56	Senior Thesis Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10
Tổng số tín chỉ		161